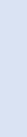


[illegible]

Loại <i>Type</i>	Vật liệu <i>Materials</i>	Độ cứng <i>Hardness</i>	Xử lí bề mặt <i>Surface Treatment</i>
LXSP	T.Đường SUJ2 <i>SUJ2 Equiv.</i>	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr <i>Hard Chrome Plating</i>
CLXSP	S45C		
SLXSP	SUS304		

Loại <i>Type</i>	Đường kính <i>Diameter</i>				H (Gia số 1mm) <i>(1mm Increment)</i>	B	C	d	M,N
	Dung sai <i>Tolerance</i>	g6		h7					
		SUJ2	S45C	SUS304					
LXSP CLXSP SLXSP	10	○	○	○	25-800	2 ≤ B ≤ d×4	N+3 ≤ C ≤ N×5	6 – 8	3 – 6
	12	○	○	○	25-1000			6 – 10	4 – 8
	13		○					6 – 11	
	15			○				25-1500	6-13
	16	○	○		6 – 14				
	20	○	○	○	8 – 17				4 – 12
	25	○	○	○	8 – 22			4 – 16	
	30	○	○		9 – 27			4 – 20	

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



Kích thước tùy chỉnh H <i>Customized length H</i>	Dung sai yêu cầu	Dung sai <i>Tolerance</i>	Áp dụng cho H <i>Apply to H</i>
	A	± 0.03	$H \leq 600$
	B	± 0.05	$H \leq 800$
	C	± 0.1	$H \leq 1000$

✖ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)